

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đính chính nội dung Quyết định số 5016/QĐ-UBND
ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản
đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả
thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
tại xã Hà Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024;

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy
định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về
việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm
dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính
phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn
đến năm 2045;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu
khoáng sản và thu hồi khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 5016/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh
về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông
thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây
dựng thông thường tại xã Hà Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa”;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1460/TTr-SNNMT ngày 28/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định chính nội dung Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định số 5016/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa”, cụ thể như sau:

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
1	KI-122	+ 60,0	561.794	
2	KII-121	+ 60,0	484.511	
3	KIII-122	+ 60,0	47.215	
Tổng trữ lượng cấp 121 + 122			1.093.520	

- Nay định chính như sau:

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (m ³)	Trữ lượng đất san lấp (m ³)	Tổng trữ lượng (m ³)
1	1-121	+ 9,0	485.139	21.562	506.701
2	2-122	+ 9,0	1.959.974	119.618	2.079.592
3	3-122	+ 9,0	1.355.618	84.896	1.440.514
Cộng			3.800.731	226.076	4.026.807

- Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 5016/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Quyết định số 5016/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Trường Phát và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu VT, CN (T12.26).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường